TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2022/DS-ST
Ngày: 20-7-2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tự

2. Bà Trịnh Thị Phương Châm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2021/TLST-DS ngày 27/12/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2727/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3324/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Trụ sở: Tầng 1 (Tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số 111A P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn D, ông Phạm Văn S, bà Trần Hoài T cùng là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 023045.22 ngày 25/4/2022. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà P, số 26 Đường M, Phường HN, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh T5, bà Vương Thị Ngọc L; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 33 đường M, phường Đ, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản khai người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/6/2017 Ngân hàng V (V) đã ký với ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L Hợp đồng tín dụng/Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 0193.HĐTD.V615.17 ngày 23/06/2017 với nội dung: Ngân hàng V cho ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L vay số tiền 300.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Đáp ứng nhu cầu về tiêu dùng tín chấp cán bộ nhân viên của bên được cấp tín dụng; Thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến ngày 26/06/2021. Lãi suất vay: Lãi suất cho vay bằng 6.8%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất FTP đặc biệt kỳ hạn 03 tháng do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 1.5%/năm. Số tiền gốc phải trả hàng tháng vào ngày 05, mỗi kỳ trả 6.250.000 đồng, hoàn trả lãi hàng tháng vào ngày 05, ngày trả nợ đầu tiên 05/08/2017.

Ngày 26/06/2017, V đã giải ngân cho ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0193.KUNN.V615.17 với số tiền 300.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Căn cứ Bản Đăng ký phát hành Thẻ Tín Dụng quốc tế ngày 30/03/2018, V đồng ý cấp Thẻ Tín Dụng cho ông Lê Minh T5, chi tiết như sau: số thẻ: 513892xxxxxx5014; loại thẻ: Thẻ Tín Dụng V Platinum (nay là Thẻ tín dụng Cashback Platinum); ngày cấp 16/04/2018; hạn mức thẻ: 52.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: 30/04/2021; lãi suất, phí: theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện V Cashback Platinum từng thời kỳ.

Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc:

- Ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0193.HĐTD.V615.17 ngày 23/06/2017 số tiền nợ gốc: 62.500.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 48.077.163 đồng; Nợ lãi quá hạn: 15.814.844 đồng. Tổng số tiền là 126.392.007 đồng.

- Ông Lê Minh T5 trả số tiền còn nợ theo Bản Đăng ký phát hành Thẻ Tín Dụng quốc tế ngày 30/03/2018, V đồng ý cấp Thẻ Tín Dụng cho ông Lê Minh T5, chi tiết như sau: số thẻ: 513892xxxxxx5014 là: Nợ gốc 48.501.613 đồng; Nợ

lãi trong hạn: 0 đồng; Nợ lãi quá hạn: 65.067.815 đồng. Tổng số tiền là 111.569.428 đồng.

Ngoài ra, Ngân hang Quốc tế yêu cầu tính lãi kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L thanh toán xong các khoản nợ.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên Tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, tuy nhiên trong đơn nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ theo:

- Hợp đồng hợp tín dụng: Nợ gốc là 62.500.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 48.077.163 đồng; Nợ lãi quá hạn là 15.814.844 đồng;

- Đơn đề nghị mở thẻ đã ký: Nợ gốc là 48.501.613 đồng; Nợ lãi quá hạn là 63.067.815 đồng.

Ngoài ra, Ngân hang Quốc tế yêu cầu tính lãi kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L thanh toán xong các khoản nợ.

Ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng;

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo luật định. Bị đơn thường xuyên vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Nhận thấy, sau khi ký hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ như đã thỏa thuận, tuy nhiên phía bị đơn không thực hiện đúng cam kết về việc

trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị mở thẻ Ngân hang Quốc Tế và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L thanh toán xong các khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng và nợ thẻ tín dụng là có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền nợ và yêu cầu tính lãi kề từ ngày 21/7/2022 cho đến khi ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L thanh toán xong các khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng và nợ thẻ tín dụng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng V có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng dân sự - cấp tín dụng với ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bị đơn - ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa; do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án như quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung

[2.1] Xét, yêu cầu của Ngân hàng V đòi ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ gốc: 62.500.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0193.HĐTD.V615.17 ngày 23/06/2017; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại Tòa có đủ cơ sở xác định ngày 23/6/2017 ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L có Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 0193.HĐTD.V615.17 ngày 23/06/2017 với nội dung: V cho ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L vay số tiền 300.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Đáp ứng nhu cầu về tiêu dùng tín chấp cán bộ nhân viên của bên được cấp tín dụng; Thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân đến ngày 26/06/2021. Lãi suất vay: Lãi suất cho vay bằng 6.8%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất FTP đặc biệt kỳ hạn 03 tháng do V công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ

1.5%/năm. Số tiền gốc phải trả hàng tháng vào ngày 05, mỗi kỳ trả 6.250.000 đồng, hoàn trả lãi hàng tháng vào ngày 05, ngày trả nợ đầu tiên 05/08/2017.

[2.1.2] Ngày 26/06/2017, V đã giải ngân cho ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0193.KUNN.V615.17 với số tiền 300.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

[2.1.3] Xét thấy, Việc thỏa thuận cho vay tiền giữa Ngân hàng V và ông Lê Minh T5, bà Vương Thị Ngọc L phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật.

[2.1.4] Tại bản khai và bảng tính lãi khách hàng Lê Minh T5 tính đến ngày 20/7/2022 của V thì quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L đã thanh toán nợ gốc là 237.500.000 đồng, còn nợ gốc là 62.500.000 đồng. Tuy nhiên, do ông T5 và bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù V đã có thông báo nhắc nợ, ông T5 bà L vẫn không thanh toán.

[2.1.5] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T5 và bà L, nhưng ông không đến Tòa giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của Ngân hàng; do đó, yêu cầu của Ngân V đòi ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ gốc là 62.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét, yêu cầu của Ngân hàng V đòi ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ lãi trong hạn là 48.077.163 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.814.844 đồng, và tiền lãi được tính tiếp tục kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi ông T5 và bà L thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0193.HĐTD.V615.17 ngày 23/06/2017; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Tại Thông báo Biểu giá mua bán vốn nội bộ đặc biệt đối với các khoản vay cán bộ nhân viên Ngân hàng Quốc Tế; Quy định cho vay cán bộ nhân viên Ngân hàng Quốc tế và Các điều khoản tại mục 1.4 Lãi suất, tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 0193.HĐTD.V615.17 ngày 23/06/2017 các bên đã thỏa thuận: *"Lãi cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của ngân hang V từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Phương pháp tính lãi, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất được quy định cụ thể tại từng Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ"*. Ngoài ra, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/6/2017 xác định lãi suất và kỳ điều chỉnh lãi suất như sau: Lãi suất cho vay bằng 6.8%/ năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03/lần, bằng lãi suất FTP đặc biệt kỳ hạn 03 tháng do V công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 1.5%/năm, phù hợp với

các quy định pháp luật, ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của V tại từng thời điểm. Do dó, Việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên yêu cầu của Ngân hang V về tiền lãi theo Bảng tính lãi khách hàng Lê Minh T5 tính đến ngày 20/7/2022 của V là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét, yêu cầu của Ngân hàng V đòi ông Lê Minh T5 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ gốc: 48.501.613 đồng và nợ lãi trong hạn: 0 đồng; nợ lãi quá hạn: 65.309.188 đồng theo Bản đăng ký phát hành thẻ tính dụng quốc tế ngày 30/3/2018; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.3.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại Tòa có đủ cơ sở xác định ngày 30/3/2018 ông Lê Minh T5 có ký Bản đăng ký phát hành thẻ tính dụng quốc tế, số thẻ: 513892xxxxxx5014; loại thẻ: Thẻ Tín Dụng V Platinum (nay là Thẻ tín dụng Cashback Platinum); ngày cấp 16/04/2018; hạn mức thẻ: 52.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: 30/04/2021; lãi suất, phí: theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện V Cashback Platinum từng thời kỳ. Xét, Việc thỏa thuận cho vay tiền giữa Ngân hàng V và ông Lê Minh T5 phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật.

[2.3.2] Ngân hàng V đã phát hành thẻ cho ông T5 sử dụng. Quá trình sử dụng thẻ ông T5 đã liên tiếp vi phạm các điều khoản thanh toán khi sử dụng thẻ, và ông T5 đã bắt đầu chậm thanh toán. Ngân hàng V đã nhiều lần thông báo nghĩa vụ thanh toán, nhưng ông T5 không có phản hồi. Tính đến ngày 20/7/2022, ông T5 còn nợ số tiền nợ gốc là 48.501.613 đồng; Nợ lãi quá hạn: 63.067.815 đồng. Do đó, yêu cầu thanh toán nợ gốc số tiền 48.501.613 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3.3] Xét về tiền lãi chậm thanh toán, tại khoản 9.4 về tiền lãi & Lãi suất và biểu phí phát hành sử dụng thẻ Ngân hang Quốc tế; bản các điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế xác định lãi suất là 25.00%, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên yêu cầu của Ngân hang V về tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những căn cứ trên có cở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Quốc tế buộc:

[3.1] Ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L có nghĩa vụ thánh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0193.HĐTD.V615.17 ngày 23/06/2017 bao gồm: Nợ gốc 62.500.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 48.077.163 đồng; Nợ lãi quá hạn 15.814.844 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc thanh toán xong khoản nợ.

[3.2] Ông Lê Minh T5 có nghĩa vụ thánh toán số tiền còn nợ Bản đăng ký phát hành thẻ tính dụng quốc tế ngày 30/3/2018 bao gồm: Nợ gốc 48.501.613 đồng; Nợ lãi trong hạn 0 đồng; Nợ lãi quá hạn 63.067.815 đồng và và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi ông Lê Minh T5 thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[4.1] Ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền yêu cầu cầu của Ngân háng Quốc tế được tòa án chấp nhận 126.392.007 đồng là 6.319.800 đồng.

[4.2] Ông Lê Minh T5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền yêu cầu cầu của Ngân háng Quốc tế được tòa án chấp nhận 111.569.428 đồng là 5.578.471 đồng.

[4.3] Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[5] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V;

1.1. Buộc ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0193.HĐTD.V615.17 ngày 23/06/2017 tính đến ngày 20/7/2022 là 126.392.007 đồng; trong đó: Nợ gốc là 62.500.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 48.077.163 đồng; Nợ lãi quá hạn là 15.814.844 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2 Buộc ông Lê Minh T5 phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền còn nợ theo Bản Đăng ký phát hành Thẻ Tín Dụng quốc tế ngày 30/03/2018 tính đến ngày 20/7/2022 là 111.569.428 đồng; trong đó: Nợ gốc là 48.501.613 đồng; Nợ lãi trong hạn là 0 đồng; Nợ lãi quá hạn là 63.067.815 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo mức lãi suất quy định của văn bản yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế, các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kèm theo ngày 30/3/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong văn bản yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Ông Lê Minh T5 và bà Vương Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.319.800 đồng.

Ông Lê Minh T5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.578.471 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.214.324 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005266 ngày 27/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Cành